ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 04 /2016/QĐ-UBND	*Thủ Dầu Một, ngày 17 tháng 02 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị - nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 210/2013/NĐ-CP, ngày 19/12/2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 55/2015/NĐ-CP, ngày 09/6/2015 của Chính phủ Về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2015/NQ-HĐND8, ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị - nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 95/TTr-SNN ngày 19/01/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị - nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 2. Đối với các Phương án vay vốn đang thực hiện thẩm định; các Phương án vay vốn đã thẩm định và phê duyệt cho vay; dư nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành được điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 46/2012/QĐ-UBND, ngày 17/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về những giải pháp chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị - nông nghiệp kỹ thuật cao - nông nghiệp sinh thái gắn với công nghiệp chế biến trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2012 - 2015 và Quyết định số 33/2013/QĐ-UBND, ngày

04/11/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về những giải pháp chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị - nông nghiệp kỹ thuật cao - nông nghiệp sinh thái gắn với công nghiệp chế biến trên địa bàn tỉnh Bình Dương giai đoạn 2012 - 2015 ban hành kèm theo Quyết định số 46/2012/QĐ-UBND, ngày 17/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành liên quan của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Thủ Dầu Một, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Các Bộ: Tư pháp, Tài chính, NN và PTNT;
- VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội TỈNH;
- Thường trực Tỉnh Ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Thành viên UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website tỉnh Bình Dương;
- LĐVP, CV, TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Thanh Liêm

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Về chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị - nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04 /2016/QĐ-UBND ngày 17 /02/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này áp dụng trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp nói chung, bao gồm: Trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, lâm nghiệp; sản xuất tiểu, thủ công nghiệp ở nông thôn sử dụng nguyên vật liệu từ nông nghiệp; sơ chế, bảo quản, chế biến các sản phẩm nông nghiệp nhằm thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị - nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

2. Đối tượng áp dụng

Các doanh nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã, các hộ gia đình, chủ trang trại, cá nhân; các trung tâm, viện, trường, trạm, trại nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ (sau đây gọi là Chủ đầu tư) trực tiếp sử dụng đất nông, lâm, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh và có phương án, đề án, dự án (sau đây gọi tắt là Phương án) đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp đô thị - nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; ký kết hợp đồng sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh và có phương án đầu tư xây dựng vùng nguyên liệu hoặc có phương án tổ chức sơ chế sản phẩm nông, lâm, thủy sản; đầu tư sản xuất giống cây trồng, giống vật nuôi chất lượng cao phục vụ cho sản xuất không gây ô nhiễm môi trường phù hợp với quy hoạch phát triển ngành nông, lâm, thủy sản tỉnh Bình Dương và mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Là ngành nông nghiệp ứng dụng những công nghệ mới vào sản xuất, bao gồm: cơ giới hóa các khâu của quá trình sản xuất, tự động hóa, công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu mới, công nghệ sinh học, ứng dụng các giống cây trồng, giống vật nuôi có năng suất và chất

lượng cao, đạt hiệu quả kinh tế cao trên một đơn vị diện tích và phát triển bền vững trên cơ sở canh tác hữu cơ theo hướng công nghiệp, bảo vệ môi trường.

2. Nông nghiệp đô thị: Là ngành kinh tế trong đô thị và ven đô thị sản xuất, chế biến và cung ứng cho thị trường lương thực, thực phẩm tươi sống, hoa, sinh vật cảnh, tạo nguồn nông sản sạch vệ sinh, an toàn thực phẩm và dinh dưỡng; dùng phương pháp canh tác hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, không cần nhiều đất đai, không gây ô nhiễm môi trường, sử dụng hoặc tái sử dụng tài nguyên thiên nhiên; sử dụng các không gian (như: sân thượng, ban công, các chậu treo, giá thể,...) để trồng cây, phát triển thêm không gian xanh, cảnh quan, nhu cầu trang trí, giải trí và giải quyết việc làm cho người dân.

Điều 3. Nguồn vốn cho vay ưu đãi

Nguồn ngân sách tỉnh cấp cho Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh theo hình thức ủy thác cho vay.

Điều 4. Thời gian ân hạn

Từ lúc giải ngân lần đầu cho đến ngày trả vốn gốc đầu tiên, trong khoảng thời gian này Chủ đầu tư chưa phải trả nợ gốc nhưng vẫn phải trả lãi vay. Trong thời gian ân hạn áp dụng mức lãi suất vay là 3%/năm nhưng thời hạn áp dụng tối đa không quá 12 tháng.

Chương II
NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ CỦA CHÍNH SÁCH

Điều 5. Đầu tư xây dựng cơ bản, mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp; sản xuất tiểu, thủ công nghiệp ở nông thôn sử dụng nguyên vật liệu từ nông nghiệp; sơ chế, bảo quản và chế biến sản phẩm nông nghiệp; xây dựng vùng nguyên liệu; đầu tư sản xuất giống cây trồng, vật nuôi chất lượng cao; đầu tư mua giống, vật tư, nhiên liệu; ký kết hợp đồng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

1. Lãi suất vay ưu đãi

Lãi suất vay ưu đãi bằng 70% lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh Bình Dương tại từng thời điểm do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Hạn mức vay ưu đãi

- Quy mô đầu tư của Phương án từ 01 tỷ đồng (một tỷ đồng) trở xuống: tối đa bằng 90% giá trị đầu tư của phương án.

- Quy mô đầu tư của Phương án trên 01 tỷ đồng (một tỷ đồng): tối đa bằng 80% giá trị đầu tư của phương án.

3. Thời hạn vay ưu đãi

Theo chu kỳ sản xuất của Phương án được duyệt nhưng không vượt quá 60 tháng trên một Phương án. Đối với Phương án có thời gian thu hồi vốn trên 60 tháng thì thời hạn vay ưu đãi có thể kéo dài nhưng tối đa không quá 120 tháng.

Chương III
QUY TRÌNH VÀ THẨM QUYỀN XÉT DUYỆT CHO VAY

Điều 6. Tổ chức và thẩm quyền xét duyệt

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì xét duyệt các Phương án đầu tư vay vốn bao gồm các nội dung như sau: Đối tượng, địa điểm đầu tư, quy trình sản xuất, chu kỳ sản xuất, định mức kinh tế kỹ thuật, sự phù hợp với quy hoạch phát triển ngành nông, lâm, thủy sản tỉnh Bình Dương và mục tiêu tái cơ cấu ngành Nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Điều 7. Quy trình vay vốn

1. Các Chủ đầu tư có nhu cầu vay vốn theo Điều 5 Quy định này lập hồ sơ vay vốn gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị xét duyệt Phương án vay vốn (theo mẫu: Phụ lục 1, ban hành kèm theo Quy định này).

- Phương án vay vốn (theo mẫu: Phụ lục 2, ban hành kèm theo Quy định này).

- Bản sao (photo): Quyết định của cấp có thẩm quyền về chủ trương đầu tư (nếu có); hồ sơ về đất của Phương án; sổ hộ khẩu; chứng minh nhân dân; chứng nhận các tiêu chuẩn về môi trường và các tiêu chuẩn ngành khác (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 03 bộ.

3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức họp xét duyệt Phương án vay vốn và đề nghị Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh xem xét, thẩm định, quyết định cho vay. Trường hợp Phương án vay vốn của Chủ đầu tư không đáp ứng các yêu cầu theo quy định, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư và nêu rõ lý do.

4. Sau khi nhận Thông báo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các hồ sơ hợp lệ liên quan đến Phương án vay vốn, Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh xem xét, thẩm định và quyết định cho vay theo thẩm quyền được Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các Sở, ngành, đoàn thể của tỉnh

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Sở, ban, ngành, đoàn thể phổ biến, tuyên truyền nội dung chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị - nông nghiệp ứng

dụng công nghệ cao tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020 cho các tổ chức, cá nhân. Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ hàng quý, 6 tháng và năm về tình hình thực hiện Chính sách.

- Phối hợp với Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay, tham mưu xử lý đối với các trường hợp sử dụng vốn vay không đúng mục đích.

- Xây dựng dự toán và sử dụng kinh phí hoạt động của Hội đồng xét duyệt trong nguồn kinh phí sự nghiệp hàng năm.

- Hướng dẫn Chủ đầu tư các trình tự, thủ tục vay vốn.

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và các cơ quan liên quan kiểm tra việc thực hiện chính sách.

2. Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách.

- Cấp vốn cho Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh theo quy định này.

3. Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh

- Xem xét, thẩm định và quyết định cho vay theo Điều lệ tổ chức hoạt động, quy chế và quy trình thẩm định cho vay của Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh đối với những Phương án đủ điều kiện do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chuyển sang.

- Ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ thẩm định cho vay rút gọn đối với các Phương án vay vốn theo Quy định này.

- Kiểm tra tình hình sử dụng vốn vay, tham mưu xử lý đối với các trường hợp sử dụng vốn vay không đúng mục đích.

- Trường hợp phát sinh rủi ro trên diện rộng do các nguyên nhân khách quan (thiên tai, dịch bệnh), việc thực hiện xử lý rủi ro áp dụng theo các quy định tại Thông tư số 10/2015/TT-NHNN, ngày 22/7/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP, ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn. Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh xem xét, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xử lý.

4. Đề nghị các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội liên quan và các cơ quan truyền thông phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tuyên truyền, phổ biến chính sách hỗ trợ theo quy định này đến tận đoàn viên, hội viên và các hộ dân trên địa bàn tỉnh biết để thực hiện.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Giải quyết theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp trên giải quyết các khó khăn của các Chủ đầu tư trên địa bàn.

- Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc phối hợp với các đoàn thể tuyên truyền, vận động, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đăng ký và lập Phương án vay vốn theo chính sách.

- Theo dõi tình hình sản xuất của các Chủ đầu tư được phê duyệt Phương án trên cơ sở danh sách do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cung cấp.

Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

- Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xác nhận địa điểm đầu tư sản xuất của Phương án trên địa bàn quản lý.

- Theo dõi tình hình sản xuất của các Chủ đầu tư được phê duyệt Phương án trên cơ sở danh sách do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cung cấp.

Điều 11. Trách nhiệm của các Chủ đầu tư thực hiện vay vốn

- Hoàn chỉnh hồ sơ vay vốn theo đúng Quy định này.

- Sử dụng vốn vay đúng mục đích theo Phương án do các cấp thẩm quyền đã phê duyệt. Báo cáo tình hình thực hiện chính sách gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định kỳ hàng quý, 6 tháng và đột xuất khi có yêu cầu.

- Thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi vay cho Quỹ Đầu tư Phát triển theo đúng quy định.

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh và các Sở, ngành, đoàn thể liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổ chức hướng dẫn triển khai, kiểm tra thực hiện việc Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có sự không phù hợp với thực tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp Sở Tài chính, Quỹ Đầu tư Phát triển tỉnh tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét bổ sung, sửa đổi cho phù hợp.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Thanh Liêm

Phụ lục 1

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÉT DUYỆT PHƯƠNG ÁN VAY VỐN

(Ban hành kèm theo Quyết định số .04./2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÉT DUYỆT PHƯƠNG ÁN VAY VỐN

(Đầu tư..... .....)

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bình Dương

Họ tên (cá nhân hoặc đại diện tổ chức): .....sinh năm.....

Tên tổ chức: .....

Nghề nghiệp/Chức vụ: .....

Địa chỉ thường trú: .....

Địa chỉ đầu tư: .....

Số CMND số:....., cấp ngày ..../..../...., tại Công an .....

Sau khi xem xét Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ....tháng ....năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương Ban hành Quy định về Chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị - nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh Bình Dương giai đoạn 2016 - 2020.

Nay tôi làm đơn này đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét giải quyết cho tôi được vay vốn theo quy định.

Tôi cam kết sử dụng số tiền vay đúng mục đích, hoàn trả vốn và lãi vay đúng thời hạn quy định. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu làm sai quy định.

(Kèm theo Phương án vay vốn và các hồ sơ liên quan: .....)

Chủ đầu tư
(Cá nhân: Ký tên, ghi rõ họ tên;
Tổ chức: Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 2

MẪU PHƯƠNG ÁN VAY VỐN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 04../2016/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

PHƯƠNG ÁN

Đầu tư: .....

I. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Họ tên (cá nhân hoặc đại diện tổ chức): .....sinh năm .....
2. Tên tổ chức: .....
3. Số CMND: ....., cấp ngày ..../..../..... tại Công an .....
4. Địa chỉ thường trú: .....
5. Nghề nghiệp/Chức vụ:.....
6. Điện thoại: .....
7. Email (nếu có): .....

II. TÀI SẢN BẢO ĐẢM TIỀN VAY

1. Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số: .....
2. Diện tích: .....
3. Loại hình sử dụng đất: .....
4. Địa chỉ: .....
5. Tên Chủ sở hữu: .....

(Nếu là tài sản,hình thức bảo đảm tiền vay khác,... đề nghị ghi rõ)

III. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN

1. Quy mô phương án

- Địa chỉ đầu tư: .....
- Hình thức sản xuất: .....
- Quy mô phương án: .....
- .....

2. Tổng vốn đầu tư

- Tổng vốn đầu tư: .....triệu đồng, trong đó:
  + Vốn vay: .....triệu đồng
  + Vốn tự có: .....triệu đồng
- Chu kỳ vay vốn:.....tháng

Cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Hạng mục đầu tư	Tổng kinh phí	Trong đó	
			Vốn tự có	Vốn vay
A	**Chi phí đầu tư Trung - Dài hạn**			
1				
2				
3				
...				
B	**Chi phí đầu tư ngắn hạn**			
1				
2				
3				
...				
	TỔNG CỘNG (A + B)			

3. Quy trình sản xuất

.....

4. Tổ chức, quản lý thực hiện phương án

.....

5. Hiệu quả đầu tư trong chu kỳ vay vốn

a) Doanh thu

.....

b) Chi phí

.....

6. Phương án trả nợ

.....

Trên đây là Phương án đầu tư ..... Đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, xét duyệt Phương án. Tôi cam kết sử dụng số tiền vay đúng mục đích, hoàn trả vốn và lãi vay đúng thời hạn quy định. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu làm sai quy định./.

....., ngày ... tháng ... năm 20.....

Chủ đầu tư

(Cá nhân: Ký tên, ghi rõ họ tên;
Tổ chức: Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)